

Bản án số: 4338/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2024

V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Cửu Long

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/9/2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 3143/2023/HNST ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5517/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6786/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê Anh N, sinh năm 1995

Địa chỉ: 4 Đường D, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số G Đường B, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, B tự khai, Văn bản trình bày, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được, bà Nguyễn Lê Anh N là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Anh N và ông Nguyễn Ngọc T lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, đăng ký ngày 05/02/2016 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quá trình chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông T thường xuyên đi nhậu không quan tâm đến vợ con. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T để bà ổn định cuộc sống lo cho con cái. Ông T cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện ông thiếu ý chí trong việc hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Lê Anh N và ông Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/01/2018. Bà Nguyễn Lê Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Giấy khai sinh của trẻ Nguyễn Bảo M không có tên cha là ông Nguyễn Ngọc T vì lý do tại thời điểm bà sinh con, ông T không quan tâm chăm sóc mà thường xuyên bỏ đi nhậu. Trong lúc tức giận nên bà không khai tên cha vào giấy khai sinh. Tuy nhiên, con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì trẻ Nguyễn Bảo M mặc nhiên là con của ông Nguyễn Ngọc T. Trường hợp ông T không thừa nhận là con ông thì ông T phải có nghĩa vụ chứng minh.

Về điều kiện chăm sóc con: bà N hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH F (Việt Nam) với mức lương hơn 6.000.000 đồng/tháng. Trường hợp tăng ca thì mỗi tháng được tầm 9.000.000 đồng. Thời gian làm việc vào giờ hành chính từ 7 giờ 30 phút sáng đến 17 giờ chiều. Trẻ Nguyễn Bảo M hiện đang ở chung với tôi tại địa chỉ 43/5/2 Đường D, khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà N xác định có đủ điều kiện để chăm sóc con trẻ phát triển ổn định. Ngoài ra, ông T cũng không quan tâm chăm sóc đến con cái, từ khi ông bà ly thân từ năm 2018 đến nay thì ông T không liên lạc, quan tâm, chăm sóc con cái.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

- Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là bà Nguyễn Lê Anh N có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà N được ly hôn với ông T và giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Bà N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T thực tế có đăng ký thường trú và thực tế cư ngụ tại địa chỉ số G Đường B, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 07, đăng ký ngày 05/02/2016 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; bà N có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N.

[3] *Xét yêu cầu của đương sự:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Bà N có yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà N trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không hạnh phúc, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông T thường xuyên đi nhậu không quan tâm đến vợ con. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Theo kết quả xác minh, Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố H thông tin hiện nay thực tế bà N và ông T không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông T không đến, cũng không có

ý kiến gì gửi cho T1, chứng tỏ ông T thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định cuộc sống vợ chồng của bà N và ông T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Theo trình bày của bà N thì bà và ông T có 01 (một) con chung là Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/01/2018. Bà Nguyễn Lê Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại Giấy khai sinh số 73 đăng ký ngày 23/02/2018 của trẻ Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/01/2018 chỉ thể hiện thông tin người mẹ là Nguyễn Lê Anh N, không có thông tin của người cha. Quá trình giải quyết vụ án đã được tổng đạt các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý cụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp...) nhưng ông T không đến Tòa cung cấp lời khai và cũng không có văn bản ý kiến phản đối trình bày của bà N. Theo kết quả cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T thì lý do thời điểm lập Giấy khai sinh của trẻ Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/01/2018 không có thông tin người cha trong giấy khai sinh của trẻ là do bà Nguyễn Lê Anh N khai thông tin không đúng sự thật và do vào thời điểm đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Lê Anh N và ông Nguyễn Ngọc T là ngày 05/02/2016 đang trong giai đoạn chuyển tiếp sử dụng phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch (sử dụng chính thức ngày 01/11/2016) nên vào thời điểm khai sinh cho con Ủy ban không tra được dữ liệu đăng ký kết hôn của ông T, bà N dẫn đến Ủy ban đã giải quyết hồ sơ theo thông tin cung cấp của bà N. Hiện trẻ Nguyễn Bảo M đang trực tiếp sinh sống với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà N đã đăng ký kết hôn ngày 05/02/2016 theo Giấy chứng nhận số 07 do Ủy ban nhân dân phường L cấp nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân (trẻ Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/01/2018) là con chung của ông T, bà N. Ông T cũng không có ý kiến phản đối với trình bày con chung của bà N. Từ khi sinh ra đến nay bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có công việc, thu nhập ổn định; ông T không có yêu cầu tranh chấp việc nuôi con chung trong vụ án nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N khai không có, ông T vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] *Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn là bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được căn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Lê Anh N:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Anh N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, đăng ký ngày 05/02/2016 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Lê Anh N hết giá trị pháp lý từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo M, sinh ngày 18/01/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Ông T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà N và gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai nhận không có. Trường hợp ông T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Lê Anh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được cân trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số 0000100 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N không phải nộp thêm án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Phạm Minh Vương